

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười;

Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 563/2017/TLPT- HS ngày 26 tháng 10 năm 2017, đối với các bị cáo: Hà Tuấn A, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Minh A1. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 336/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. Hà Tuấn A (Tý); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1984.

Nơi đăng ký HKTT: Số 133 CH, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: C3/1A ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Hà Thế C và bà: Lê Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ và hai con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011, phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh miễn hình phạt; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2013 (có mặt).

2. Nguyễn Ngọc L (Thành); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Số 305 BS, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A14/11J Quốc Lộ 50, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm hồ; Con ông: Trần L1 (chết) và bà: Nguyễn

Thị Hồng H; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ và hai con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2013 (có mặt).

3. Nguyễn Minh A1 (Mập); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp Đ, xã LLHĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Sửa điện thoại; Con ông: Nguyễn Minh Th và bà: Nguyễn Thị L2; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2013 (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại:

1. Ông Mai Lâm Anh Q, sinh năm 1985 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Mai Văn K, bà Lâm Thị Hồng Tr, là cha và mẹ của Mai Lâm Anh Q (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 9 Lô A3, Khu phố 2, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Nam Ph, Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 30 đường số 36, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bào chữa:

Luật sư Trần Thị Hồng V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hà Tuấn A (có mặt).

Luật sư Bùi Quang H1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc L (có mặt).

Luật sư Nguyễn Thị Phi Ng, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh A1 (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Trần Thị D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Hội đồng giám định:

1. Hội đồng giám định - Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Nguyễn Châu V1 – Bác sĩ, Giám định viên tư pháp (có mặt).

Ông Nguyễn Hồng N1 – Bác sĩ, trợ lý Giám định viên (có mặt).

Ông Võ Vinh D1 – Trợ lý Giám định viên (vắng mặt).

2. Hội đồng giám định – Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Văn Đ, Giám định viên (có mặt).

3. Hội đồng giám định – Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2012, Hà Tuấn A nợ ông Trần Nam Ph 17.000.000 đồng tiền cá độ bóng đá. Sau nhiều lần đòi không trả nên ngày 04/02/2013, Ph đến tòa soạn Báo Công an nhân dân gặp ông Hà Thế C (cha của Tuấn A) kể lại sự việc và nhờ ông C nói với Tuấn A gặp Ph để giải quyết nợ. Cho rằng Ph xúc phạm mình nên ngày 05/02/2013, Tuấn A nhiều lần nhắn tin cho Ph với những lời lẽ chửi bới, đe dọa đánh giết và hẹn gặp Ph. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn A gọi điện cho Nguyễn Ngọc L và nhờ Lâm gọi Nguyễn Minh A1 đến để cùng Tuấn A đi gặp Ph lấy tiền trả nợ cho mẹ của L. Sau đó, A đi xe mô tô hiệu Dylan biển số 51X1-3333 đến nhà L tại số A14/11J Quốc lộ 50 xã BH, huyện BC gặp L và A1. Tại đây, L lấy ra 02 con dao bấm và đưa cho A1 dao màu đen, A1 bỏ dao vào túi quần, dao màu trắng L giữ rồi chạy xe Dylan chở Tuấn A đi trước, A1 chạy xe gắn máy hiệu Yamaha theo sau qua Quận 7 để gặp Ph1. Khi đến nhà Ph, L và A1 ngồi ngoài xe chờ, còn Tuấn A vào nhà Ph nhưng không gặp nên điện thoại hỏi Ph đang ở đâu, Ph nói đang ở tiệm bida Paradise tại số 26E đường 53, Khu phố 2, phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó, cả 03 người chạy xe tới tiệm bida Paradise, khi gần đến tiệm bida, Tuấn A thấy Ph đang đứng tại bãi giữ xe đối diện tiệm bida nên đã nhảy xuống xe, còn L và A1 vẫn ngồi trên xe. Tuấn A băng qua đường hỏi Ph: “Tại sao hẹn anh ở nhà mà không ở nhà”. Ph trả lời “Gặp làm gì? Tiền của em chừng nào anh trả?”. Ngay sau đó, Tuấn A lấy mũ bảo hiểm xông vào đánh Ph, Ph đưa tay lên đỡ làm rớt mũ bảo hiểm xuống đất. Tuấn A chụp lấy ghế xếp khung bằng sắt, có dây đan bằng nhựa của xe bán sinh tố lẽ đường đánh Ph thì Ph cũng lấy ghế xếp tương tự chống đỡ. Thấy Ph bị đánh ông Mai Lâm Anh Q (bạn của P) chạy vào bên vực, dùng tay đánh vào đầu của Tuấn A từ phía sau lưng, Tuấn A quay lại dùng chân đá vào bụng ông Q. Sau khi L nhìn thấy Tuấn A bị đánh thì la lên: “Tuấn A bị đánh kìa, qua đâm chết mẹ nó cho tao”, rồi L chạy trước, A1 chạy sau cùng chạy băng qua đường. L nhảy lên đá song phi hai chân vào lưng của ông Q làm cả hai té xuống, L đứng dậy tiếp tục dùng tay không và ghế đánh đuổi ông Q. A1 vừa chạy vừa rút con dao bấm màu đen ở túi sau quần jean và đâm nhiều nhát về phía Q, theo khai nhận thì A1 chỉ đâm trúng 1 nhát vào vai phải ông Q. Thấy Q bỏ chạy

vào trong tiệm bida, L tay cầm ghế đuổi theo. Sau đó, L quay lại cùng với A1 đuổi đánh Ph. Sau khi đá ông Q, Tuấn A cầm ghế xếp đuổi đánh làm rách mi mắt phải của Ph. L và A1 cùng A đuổi theo Ph. A1 dùng dao bấm màu đen đâm 1 nhát vào đùi phải của Ph. Ph bỏ chạy thoát ra khỏi hiện trường và tự đi băng bó vết thương. Sau khi vào tiệm bida, ông Q gục ngã và được người dân đưa đi cấp cứu nhưng đã chết trên đường đến bệnh viện.

Trong quá trình điều tra, A1, L đều không thừa nhận là người đã dùng dao đâm vào ngực anh Q. L khai: Trước khi gây án, L bỏ con dao bấm màu trắng vào túi quần và chờ Tuấn A đi đánh nhau. Trên đường đi, Tuấn A cho tay vào túi quần lấy con dao màu trắng ra và giữ luôn. Sau khi đánh nhau về, Tuấn A trả lại dao cho L có chị Trần Thị D (bạn gái của L) nhìn thấy. Tuy nhiên, Tuấn A không thừa nhận đã cất giữ con dao màu trắng và sử dụng khi đánh nhau.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 228/TgT.13 ngày 25/3/2013 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Trần Nam Ph có chấn thương phần mềm phần đầu mặt gây rách da trán phải sâu sát da dưới ngoài mắt phải đã được điều trị, mức độ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 09%”.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 253/2013/GDPY ngày 15/3/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Mai Lâm Anh Q chết do vết thương đâm thấu tim. Nồng độ cồn trong máu là 53mg/100ml”.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 1251/C54B ngày 26/4/2016 của Phân Viện Khoa học hình sự thuộc Tổng cục Cảnh sát tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Vết thương trên ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q là do vật cứng, có chiều dài nhất định, một lưỡi sắc và mũi nhọn gây ra. Hai con dao gửi giám định đều có thể gây ra vết thương trên ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q.

Kết luận giám định pháp y số 5566/C54 (TT1) ngày 05/01/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát thể hiện cơ chế hình thành thương tích như sau: Vết thương vùng ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q do vật sắc nhọn gây nên, tác động theo chiều hướng từ trước ra sau, từ phải sang trái, hơi chệch từ dưới lên trên (phần sống dao ở phía bên phải, phần lưỡi dao ở phía bên trái vết thương), khi rút ra phần lưỡi sắc kéo xuống dưới tạo thành vết đứt da ở góc trái. Hai con dao mẫu vật gửi giám định (con dao màu trắng và con dao màu đen) đều có thể gây ra được vết thương vùng ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 336/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Hà Tuấn A (Tý), Nguyễn Ngọc L (Thành), Nguyễn Minh A1 (Mập) phạm các tội: “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hà Tuấn A (Tý): Tù Chung thân về tội “Giết người”

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Hà Tuấn A (Tý): 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Hà Tuấn A (Tý) phải chấp hành là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2013.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành): Tù chung thân về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành): 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành) phải chấp hành là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2013.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập): Tù chung thân về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập): 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập) là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2013.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự của các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/9/2017, bị cáo Nguyễn Minh A1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/9/2017, bị cáo Nguyễn Ngọc L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/12/2017 có kháng cáo bổ sung cho rằng không phạm tội giết người.

Ngày 27/9/2017, bị cáo Hà Tuấn A kháng cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 09/01/2018 có kháng cáo bổ sung cho rằng không phạm tội giết người.

Tại phiên tòa, bị cáo An giữ nguyên kháng cáo; các bị cáo Tuấn A và L thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Tuấn A xác nhận: Ngày 05/02/2013, có điện thoại hẹn gặp tại nhà L để lấy 1.000.000 đồng tiền nợ. Khi đến nhà trọ của L thì bị cáo nói đến nhà Ph tại Quận 7 lấy tiền nên L và A1 tự đi cùng, chứ bị cáo không rủ L, A1. Trên đường đi, bị cáo có thấy L1 mang theo dao nhưng bị cáo không lấy, dao vẫn ở trong túi quần L. Trước khi đi và sau khi đánh nhau, chỉ có bị cáo, L và A1 ở nhà trọ của L, không có ai tên D. Không biết việc L đưa dao cho A1, cũng không nhìn thấy ai đâm ông Q tại tiệm bi da Paradise. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo L khai: Trước khi đi đến Quận 7, bị cáo có chuẩn bị 2 con dao bấm, dao màu đen đưa cho A1, còn dao màu trắng thì bị cáo giữ nhưng trên đường đi thì Tuấn A đã lấy dao và giữ luôn, chỉ trả lại sau khi đánh nhau. Do bị cáo đá ông Q và bị ngã nên không nhìn thấy A1 đâm ông Q. Bị cáo có dùng ghế xếp đuổi đánh ông Q cho đến khi ông Q chạy vào tiệm bi da thì quay lại đuổi đánh Ph. Khi đánh ông Q chỉ có L và A1 tham gia, lúc đó Tuấn A đang đánh nhau với Ph. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo A1 khai: Ngày 05/02/2013, L gọi điện rủ đi công chuyện, không nói đi với Tuấn A. A1 có cầm dao bấm màu đen do L đưa và đâm ông Q 3 nhát nhưng chỉ trúng 01 nhát vào vai phải, còn lại không trúng. Bị cáo không đâm vào ngực ông Q. Chỉ có A1 và L đánh ông Q, khi đó Tuấn A và Ph đang đánh nhau. Trước và sau khi gây án, Tuấn A, L và A1 đều có mặt tại phòng trọ của L, không có ai tên D.

Tại phiên tòa, các giám định viên xác nhận việc giám định đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự, kết quả giám định là chính xác, khách quan, vô tư. Giám định viên Lê Văn Đ cho rằng: Việc giám định thương tích được thực nghiệm trên con heo là do không thể thực nghiệm trên người mà phải lấy các động vật sống như heo, chó, thỏ tùy thuộc loại cần giám định. Hơn nữa, việc giám định chỉ có ý nghĩa xác định vết thương mà không xác định chính xác con dao nào gây ra vết thương trên ngực ông Q. Kết luận cả hai con dao đều có thể gây ra thương tích là đúng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tuấn A trình bày: Bị cáo Tuấn A có hành vi rủ rê L là đúng. Tuy nhiên, mục đích là đến nhà Ph giải quyết việc vay nợ. Tại tiệm bi da, Tuấn A và Ph có mâu thuẫn dẫn đến xô xát với nhau. Tuấn A không biết và cũng không tham gia đánh ông Q. Không có chứng cứ chứng minh bị cáo cầm dao màu trắng, điều này được ông Ph xác nhận, phù hợp với hình ảnh camera thu được

tại hiện trường. L là người kêu gọi A1 đánh ông Q sau khi Tuấn A bị ông Q đánh vào đầu. Ngày 06/02/2013, Tuấn A có khai nhận đã giữ dao trắng là để nhận tội thay cho L, nhưng cùng ngày, Tuấn A đã khai nhận sự thật là không cầm dao trắng. Hơn nữa, bị hại Q không có mâu thuẫn với Tuấn A, các bị cáo hoàn toàn không có bàn bạc trước nên việc ông Q bị đâm chết là không phải trách nhiệm của Tuấn A. Tuấn A có gây thương tích cho ông Ph nhưng thương tích không nhiều. Sau khi xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại là 520.000.000 đồng do 3 bị cáo Tuấn A, L và A1 có trách nhiệm bồi thường cho gia đình ông Q, đồng thời bị cáo có cha ruột, ông nội, ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày: Bị cáo L có giữ dao trắng nhưng Tuấn A đã lấy trên đường đi. Tại tiêm bị da, có căn cứ xác định bị cáo không sử dụng dao. Mặc dù, bị cáo là người cung cấp dao đen cho A1 nhưng theo quan điểm của Viện kiểm sát thì A1 là người đâm vào ngực ông Q. Vì vậy, Tòa án xử phạt L tù chung thân về tội “Giết người” là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo A1 trình bày: Mặc dù Luật sư có mặt khi cơ quan điều tra hỏi cung bị can A1 nhưng trước đó A1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Giám định trên con heo là chưa có căn cứ khoa học vì đâm heo ở trạng thái tĩnh còn ông Q ở trạng thái động. Đề nghị hủy bỏ kết luận giám định xác định con dao màu đen có thể gây ra vết thương trên ngực ông Q. Trong vụ án này, Tuấn A có vai trò chính đã rủ rê và lừa L, A1 đến Quận 7 nên mới xảy ra vụ án, vì vậy Tuấn A phải chịu trách nhiệm chính. Hiện trường vụ án thể hiện có 2 nhóm đánh nhau và không loại trừ bị hại tham gia đánh nhau với Tuấn A. Trong vụ án này có một phần lỗi của bị hại. Việc ông Q chết không là chủ ý của các bị cáo do trước đó không có sự bàn bạc nên cần giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nói chung và bị cáo An nói riêng. Tòa án áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo A1 là không chính xác, Viện kiểm sát đề nghị hình phạt tù chung thân đối với A1 là không tương xứng với hành vi phạm tội của A1. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Mặc dù các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo đổ lỗi cho nhau trong việc gây ra vết thương trên ngực ông Q, lời khai của từng bị cáo cũng có thay đổi và mâu thuẫn với nhau nhưng qua xét hỏi công khai tại phiên tòa, thấy rằng: Lời khai của A1 trong hồ sơ vụ án, được công khai tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, người làm chứng nên có căn cứ xác định A1 là người đâm vào ngực làm ông Q tử vong. Bị cáo L, Tuấn A không trực tiếp gây ra cái chết của ông Q nhưng Tuấn A là người rủ rê L, A1 đến Quận 7, còn L là người cung cấp dao

cho A1, A1 đã sử dụng con dao trên để đâm ông Ph, ông Q. Vì vậy, Tuấn A, Lâm phải cùng chịu trách nhiệm với A1 về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Giết người” là có căn cứ. Trong vụ án này, L là người cung cấp dao nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn Tuấn A. Tại phiên tòa, Tuấn A cung cấp chứng cứ về việc khắc phục hậu quả 520.000.000 đồng cho gia đình bị hại, gia đình bị cáo thuộc trường hợp có công với Cách mạng nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tuấn A.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt của tội “Cố ý gây thương tích”, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A1 xin giảm nhẹ hình phạt của tội “Giết người”, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Tuấn A, L xin giảm nhẹ hình phạt của tội “Giết người”, xử phạt bị cáo Lâm 20 năm tù và xử phạt bị cáo Tuấn A từ 17 đến 19 năm tù.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Các bị cáo kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng Hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung và sau cùng, ngày 05/01/2017, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đã ban hành Kết luận Giám định pháp y số 5566/C54. Việc giám định pháp y của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an nêu trên đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, các bị cáo cũng không khiếu nại nên Tòa án căn cứ Kết luận giám định pháp y số 5566/C54 ngày 05/01/2017, Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an làm căn cứ giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo A1 khai tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 14/3/2013 (bút lục 295, 296, 297): *“Tay phải Tôi cầm dao theo chiều thuận, đầu mũi dao dọc theo cánh tay và Tôi đâm vòng phía sau lưng người thanh niên này làm trúng bả vai phải của anh ta. Người thanh niên bị tôi đâm đã buông tay ra, lúc đó Tôi đứng đối diện và tay phải cầm dao bấm đâm thốc từ dưới lên 01 nhát trúng vào ngực giữa của người thanh niên này. Người thanh niên bị Tôi đâm nhát thứ hai vào ngực bỏ chạy vào trong tiệm bi da”, “Con dao bấm Tôi sử dụng đâm chết người vào tối 5/02/2013 tại tiệm bi da Paradise là con dao bấm L đưa Tôi tại nhà của L”, “Lúc đánh nhau đâm chết người vào tối 5/02/2013, Tôi mặc quần jean dài, màu xanh, áo thun ngắn tay màu xám”, “Còn Tuấn A đi đâu thì Tôi theo đó để giúp Tuấn A, vì lúc đó Tuấn A đã ốm. Khi bị người thanh niên đó đánh, Tôi rút dao bấm đâm vào ngực của người thanh niên này mà không nghĩ hậu quả xảy ra như thế nào”. Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 20/5/2013 (bút lục 291, 292,*

293), A1 trình bày: “Tôi cầm dao bấm chạy băng qua bên kia đường cùng L đánh nhau với một thanh niên. Tôi đâm người thanh niên này 01 nhát trúng vai phải và đâm 01 nhát trúng vào ngực giữa của thanh niên này”, “Thực tế, Tôi thấy người thanh niên này đánh nhau với Tuấn A, sau đó L chạy vào đánh nhau với người thanh niên này và tay phải tôi đang cầm dao bấm trên tay nên Tôi đâm trúng người thanh niên này 02 nhát ở bả vai phải và ngực giữa”, “Con dao Tôi sử dụng đâm chết người vào tối ngày 5/02/2013 là con dao bấm màu đen do L đưa, con dao bấm này dài khoảng 25cm, màu đen, lưỡi dao dài khoảng 10cm, bản lưỡi dao chỗ rộng nhất khoảng 3cm, mũi nhọn, một đoạn sống dao có hình răng cưa”; Tại Biên bản hỏi cung bị can ngày 16/6/2013 (bút lục 289), A1 khai: “Tôi xác nhận chỉ đánh nhau và cầm dao bấm đâm một thanh niên 01 nhát trúng vai, 01 nhát trúng ngực”.

Các lời khai trên, An đã thừa nhận dùng dao bấm màu đen đâm vào ngực ông Q. Mặc dù, sau đó cũng như tại phiên tòa, bị cáo A1 phủ nhận việc dùng dao đâm vào ngực ông Q. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo A1 tại Biên bản hỏi cung bị can các ngày 14/3, 20/5 và 16/6/2013 là thống nhất, trong đó việc hỏi cung bị can ngày 20/5/2013 có Luật sư Nguyễn Thị Phi Ng là người bào chữa cho bị can A1 tham gia khi cơ quan điều tra lấy lời khai của A1. Lời khai nhận tội nêu trên của A1 phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục 329, 330, 322): Người mặc áo thun xanh, quần Jean màu xanh, chạy xe Exciter màu xanh trắng đã đâm vào ngực anh Q1; cũng phù hợp với Biên bản khám nghiệm tử thi ngày 06/2/2013 (bút lục 125, 126), thể hiện: Cơ thể ông Q1 bị 02 vết thương vào ngực phải và vai phải; Kết luận giám định pháp y tử thi số 253/2013/GDPY ngày 15/3/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 331), thể hiện: Mai Lâm Anh Q chết do vết thương đâm thấu tim và Kết luận giám định pháp y số 5566/C54 ngày 05/01/2017 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an (bút lục 1033), thể hiện về cơ chế hình thành thương tích: Vết thương vùng ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q do vật sắc nhọn gây nên, tác động theo chiều hướng từ trước ra sau, từ phải sang trái, hơi chệch từ dưới lên trên (phần sống dao ở phía bên phải, phần lưỡi dao ở phía bên trái vết thương) và hai con dao mẫu vật gửi giám định đều có thể gây ra được vết thương vùng ngực phải của nạn nhân Mai Lâm Anh Q. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo A1 đã dùng dao đâm vào ngực ông Q1. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo A1 về tội “Giết người” là có căn cứ.

Trong quá trình tố tụng, các bị cáo đều thống nhất khai nhận chỉ có 3 bị cáo là Tuấn A, L và A1 tham gia đánh Ph1 và ông Q1, lời khai của các bị cáo phù hợp với hình ảnh camera thu được tại hiện trường, lời khai người làm chứng nên cơ quan tố tụng khởi tố, truy tố và xét xử 3 bị cáo là đúng người, không bỏ lọt tội phạm. Đối với con dao màu trắng, trong quá trình điều tra, lời khai của L và Tuấn A có mâu thuẫn và không ai nhận đã giữ con dao này khi các bị cáo đánh nhau với Ph và ông Q tại tiệm bi da Paradise. Tuy nhiên, L xác nhận có giữ con dao trắng

trước khi đi đến Quận 7, việc L cho rằng trên đường đi, Tuấn A đã lấy và cất giữ nhưng không có căn cứ chứng minh, trong khi cả Tuấn A và A1 đều xác nhận trước khi đi đến Quận 7 và sau khi đánh nhau thì chỉ có Tuấn A, L và A1 có mặt tại nhà trọ của L, không có mặt của D tại các thời điểm nêu trên; còn lời khai của bà D thì có mâu thuẫn và không thống nhất, hơn nữa D là bạn gái của L nên lời khai này không khách quan. Vì vậy, có căn cứ xác định L là người giữ dao màu trắng. Tuy nhiên, như nội dung đã nêu thì A1 được xác định là người đã đâm vào ngực ông Q nên có căn cứ xác định con dao trắng không gây ra vết thương trên ngực ông Q.

Quá trình điều tra, Tuấn A thừa nhận có đến nhà L, sau đó cùng L và A1 đi đến nhà Ph và tiệm bida Paradise nhưng không thừa nhận việc rủ L và A1 đến nhà Ph1. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định Tuấn A là người có mâu thuẫn với Ph trong việc cá độ bóng đá nên trong ngày 05/02/2013, Tuấn A đã nhiều lần nhắn tin cho Ph có nội dung chửi bới, đe dọa đánh giết và hẹn gặp Ph. Theo trình bày của L thì Tuấn A đã gọi điện rủ L, sau đó L gọi A1 cùng tham gia. Mặc dù, Tuấn A không trực tiếp gây ra cái chết của ông Q và gây thương tích cho Ph nhưng bị cáo là người khởi xướng để cùng L và A1 đi đến tiệm bida Paradise, tại đây A1 đã có hành vi giết ông Q, đâm Ph gây thương tích nên Tuấn A phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” do A1 gây ra với vai trò đồng phạm.

Bị cáo L không có mâu thuẫn với ông Ph, chỉ nghe Tuấn A rủ rê đã đồng ý và rủ theo A1 cùng tham gia. Trước khi đi đã chủ động chuẩn bị 2 dao bấm và phân phát cho An 1 dao màu đen, còn tự mình giữ dao màu trắng. Tại tiệm bida, khi thấy Tuấn A bị đánh, lẽ ra bị cáo phải can ngăn nhưng đã kêu gọi, cổ vũ và cùng A1 xông vào tấn công ông Q. Bị cáo L không trực tiếp gây ra cái chết của ông Q và thương tích cho Ph. Tuy nhiên, A1 đã dùng dao đen do bị cáo cung cấp để đâm chết ông Q và gây thương tích cho Ph nên L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” do A1 gây ra với vai trò đồng phạm.

Vì vậy, Tòa án cấp tuyên bố các bị cáo Tuấn A, L và A1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Tuy nhiên, không xác định ai là người đâm vào ngực ông Q, sử dụng hung khí gì nên đã xử phạt các bị cáo Tuấn A, L và A1 tù chung thân là chưa không đảm bảo nguyên tắc chứng minh tội phạm, cá thể hóa tội phạm phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

Đối với bị cáo A1: Giữa bị cáo với Ph hoàn toàn không có mâu thuẫn nhưng chỉ nghe rủ rê của L mà bị cáo đã dùng dao chuẩn bị sẵn để đâm vào đùi phải, gây thương tích cho Ph là 09%, theo Kết luận giám định pháp y số 228/TgT.13 ngày 25/3/2013 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và đâm vào

ngực làm ông Q tử vong. Sau khi phạm tội, bị cáo đã không có bất cứ hành động nào để cứu chữa nạn nhân, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Hành vi trên, thể hiện bản tính côn đồ, coi thường pháp luật đã tước đoạt sinh mạng của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Nhưng việc áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo tù chung thân về tội “Giết người” là chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát không kháng nghị, đại diện hợp pháp của bị hại không kháng cáo đề nghị tăng hình phạt nên Hội đồng xét xử không xem xét lại, hình phạt tù chung thân là đã giảm nhẹ cho bị cáo. Các tình tiết xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo nêu ra tại phiên tòa đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi lượng hình. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo An không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo L: Giữa bị cáo với Ph hoàn toàn không có mâu thuẫn nhưng chỉ nghe Tuấn A rủ rê mà bị cáo đã đồng ý và còn rủ A1 cùng tham gia. Trước khi đi, bị cáo đã chủ động cung cấp dao cho A1 và tự mình giữ 01 con. A1 đã sử dụng dao đâm chết ông Q và gây thương tích cho Ph. Ngoài ra, bị cáo cũng cùng A1 đuổi đánh Ph sau khi đã đánh ông Q bỏ chạy vào tiệm bi da, tạo điều kiện để A1 đâm vào đùi Ph gây thương tích. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo là người chuẩn bị và cung cấp hung khí cho A1, không trực tiếp gây ra cái chết của ông Q và thương tích cho Ph, vai trò của bị cáo nhẹ hơn A1 nhưng Tòa án xử phạt tù chung thân về tội “Giết người” là quá nghiêm khắc, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt về tội “Giết người”.

Đối với bị cáo Tuấn A: Việc Tuấn A nhắn tin đe dọa Ph là có thật, bị cáo là người khởi xướng rủ L đến nhà Ph để giải quyết việc vay nợ. Khi đến tiệm bi da, bị cáo đã xông vào đánh Ph. Sau đó, A1 đã dùng dao đâm chết ông Q và đâm Ph gây thương tích 09%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo là người chủ động rủ L đến nhà anh Ph dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo L, A1. Tuy nhiên, mục đích cùng L, A1 đến nhà anh Ph để giải quyết việc vay nợ với Ph; giữa bị cáo, L và A1 không có bàn bạc trước, không có căn cứ xác định bị cáo đã kêu gọi, cổ vũ L, A1 đánh Ph và ông Q, bị cáo cũng không trực tiếp gây ra cái chết của ông Q, việc A1 đâm chết ông Q là do bộc phát chứ không phải dự mưu từ trước. Như vậy, vai trò của bị cáo nhẹ hơn A1, L nhưng Tòa án áp sơ thẩm xử phạt tù chung thân về tội “Giết người” là quá nghiêm

khắc, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình chứng cứ đại diện hợp pháp của gia đình bị hại đã nhận 520.000.000 đồng là trách nhiệm dân sự do các bị cáo Tuấn A, L và A1 phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại được gia đình bị cáo tự nguyện nộp thay. Bị cáo có cha là ông Hà Văn C được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất năm 2006, có ông nội là Hà Văn H2 được Chủ tịch nước thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 1962, có ông ngoại là Lê Văn T được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba năm 2000. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới do bị cáo cung cấp tại phiên tòa, chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm. Vì vậy, cần áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo về tội “Giết người”.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và nội dung bào chữa của Luật sư đối với bị cáo A1; chấp nhận một phần kháng cáo và nội dung bào chữa của Luật sư đối với bị cáo Tuấn A, L về hình phạt tội “Giết người”; sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo A1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Tuấn A, L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập).

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tội “Giết người” của bị cáo Hà Tuấn A (Tý), Nguyễn Ngọc L (Thành).

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 336/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo: Hà Tuấn A (Tý), Nguyễn Ngọc L (Thành), Nguyễn Minh A1 (Mập) phạm các tội: “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 34, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập): Tù chung thân về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập): 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009: Buộc bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập) phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: Tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2013.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành): 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành): 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L (Thành) phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: 21 (Hai mươi một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2013.

3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Hà Tuấn A (Tý): 17 (mười bảy) năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 33, 45, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Hà Tuấn A (Tý): 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009: Buộc bị cáo Hà Tuấn A (Tý) phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là: 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2013.

Tiếp tục giam giữ các bị cáo Hà Tuấn A (Tý), Nguyễn Ngọc L (Thành) và Nguyễn Minh A1 (Mập) để đảm bảo thi hành án.

Về án phí:

Các bị cáo Hà Tuấn A (Tý), Nguyễn Ngọc L (Thành) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh A1 (Mập) phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 4 năm 2018)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thành phố HCM;
- VKSND Thành phố HCM;
- Cục THADS Thành phố HCM;
- Công an Thành phố HCM;
- Sở Tư pháp Thành phố HCM;
- Trại tạm giam Công an Thành phố HCM;
- Trại tạm giam Công an Thành phố HCM;
- (Tổng đạt cho các bị cáo)
- BH;
- Lưu: VP, Hồ sơ, 18bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương